

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế tuyển sinh trong giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trong giáo dục nghề nghiệp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tuyển sinh trong giáo dục nghề nghiệp.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026 và thay thế Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD TNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, PC, GDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

QUY CHẾ

Tuyển sinh trong giáo dục nghề nghiệp

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT/BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh các cấp học và trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định. Quy chế này không áp dụng đối với các cơ sở đào tạo ngành Giáo dục mầm non và không áp dụng với đối tượng tuyển sinh vào học chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, đi học ở nước ngoài.

Điều 2. Thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác được thực hiện một hoặc nhiều lần trong năm; thời gian tuyển sinh trung học nghề thực hiện như với tuyển sinh cấp trung học phổ thông. Thời gian được tính để tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả tuyển sinh hàng năm từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

2. Đối tượng tuyển sinh:

a) Đối với trình độ cao đẳng:

- Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Người có bằng tốt nghiệp trung học nghề;
- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

b) Đối với trình độ trung cấp:

- Người có bằng tốt nghiệp trung học nghề;
- Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

c) Đối với giáo dục trung học nghề: Người hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở hoặc tương đương.

d) Đối với trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác: Người có trình độ học vấn phù hợp với mục tiêu, chương trình và nội dung đào tạo.

đ) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; quân nhân, công an nhân dân tại ngũ; người nước ngoài, nếu có đủ điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển:

- Bảo đảm các điều kiện được quy định tại điểm a,b,c và d khoản 2 Điều này;

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu dùng ngân sách nhà nước đi học) dự tuyển khi đã được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Quân nhân và công an tại ngũ được dự tuyển vào những trường do Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an quy định sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau;

- Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam: người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ kết quả học tập văn hóa tương ứng với trình độ đào tạo dự tuyển; kết quả học tập ở trung học cơ sở, trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên của thí sinh (bảng điểm, văn bằng, chứng chỉ minh chứng); kết quả kiểm tra kiến thức, tiếng Việt (nếu cần) theo quy định để xem xét, quyết định tuyển thí sinh vào học.

e) Người học dự tuyển vào các ngành, nghề đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe; nghệ thuật, thể dục thể thao và quốc phòng, an ninh ngoài các quy định trên còn thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Hình thức tuyển sinh đối với từng trình độ, ngành, nghề đào tạo do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết định gồm:

a) Xét tuyển;

b) Thi tuyển;

c) Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển.

4. Chuẩn đầu vào các ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực sức khỏe, nghệ thuật, thể dục thể thao và quốc phòng, an ninh thực hiện theo các quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 3. Nguyên tắc xác định số lượng tuyển sinh

1. Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự chủ xác định số lượng tuyển sinh từng năm theo nhóm ngành, nhóm nghề đào tạo, trình độ đào tạo trên cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp phép, năng lực và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của cơ sở, nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng.

2. Số lượng tuyển sinh là tổng số lượng tuyển theo các loại hình đào tạo, trình độ đào tạo ở cả trụ sở chính, các phân hiệu và địa điểm khác thuộc sở hữu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có). Số thực tuyển hàng năm theo từng nhóm ngành, nghề đào tạo không vượt quá 15% số lượng được xác định.

3. Đối với những ngành, nghề đào tạo có số lượng người học bỏ học, thôi học, chuyển sang học nhóm ngành, nghề khác trong 02 năm liên tiếp trước đó lớn hơn 20%, cho phép xác định số lượng tuyển sinh tăng thêm 15%.

4. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tự điều chỉnh số lượng tuyển sinh trong năm của các ngành, nghề (Mã cấp IV) trong cùng nhóm ngành, nghề đào tạo (Mã cấp III) nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, nhu cầu của thị trường lao động tại địa phương, khu vực và năng lực đào tạo của nhà trường.

5. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về số lượng và hình thức tuyển sinh.

Điều 4. Tiêu chí xác định số lượng tuyển sinh

Số lượng tuyển sinh trong từng năm được xác định bảo đảm quy mô, năng lực đào tạo đáp ứng tiêu chí sau:

1. Có phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, thực nghiệm; xưởng thực hành, thực tập (bao gồm nhà xưởng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp phục vụ đào tạo thông qua hợp đồng thuê, mượn có thời hạn tối thiểu bằng thời gian của khóa học) ở cả trụ sở chính, phân hiệu, địa điểm khác thuộc sở hữu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các địa điểm liên kết đào tạo đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập quy định trong chuẩn chương trình, chương trình đào tạo của ngành, nghề đào tạo. Diện tích giảng đường, phòng học lý thuyết; xưởng thực hành, thực tập bảo đảm đáp ứng quy định về chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Có đủ cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo từng nhóm ngành, nghề đào tạo đáp ứng yêu cầu, quy định trong chuẩn chương trình, chương trình đào tạo của

ngành, nghề (bao gồm cả trang thiết bị thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, các đơn vị liên kết phục vụ đào tạo thông qua hợp đồng liên kết đào tạo, hợp đồng thuê, mượn có thời hạn tối thiểu bằng thời gian của khóa học), đáp ứng quy định về chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Có đội ngũ giảng viên, giáo viên và người dạy nghề đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo bảo đảm đáp ứng điều kiện để tổ chức giảng dạy theo yêu cầu của chuẩn chương trình và chương trình đào tạo theo nhóm ngành, nghề hoặc theo từng ngành nghề đào tạo.

Điều 5. Báo cáo, thông tin tuyển sinh

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp báo cáo số lượng tuyển sinh từng năm được xác định theo từng nhóm ngành, nhóm nghề và trình độ đào tạo của cơ sở mình với Sở Giáo dục và Đào tạo tại địa phương nơi đặt trụ sở chính và cơ quan chủ quản trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Đăng ký thông tin tuyển sinh và các chương trình đào tạo vào hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh, đào tạo.

3. Thông tin trên cổng thông tin điện tử của cơ sở và các phương tiện truyền thông khác và chịu trách nhiệm giải trình với người học và cơ quan quản lý nhà nước về các nội dung tuyển sinh bao gồm:

a) Giới thiệu về cơ sở đào tạo, các chương trình đào tạo, thời gian khóa học, địa điểm học tập, kết quả kiểm định chất lượng cơ sở (nếu có);

b) Thông tin về mức thu học phí đối với từng ngành, nghề đào tạo; các khoản thu dịch vụ khác cho từng năm học và cả khóa học; chính sách học bổng, miễn giảm, hỗ trợ học phí; điều kiện học tập, ký túc xá và các chính sách hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch, phạm vi và các đợt tuyển sinh trong năm; đối tượng, điều kiện, chuẩn đầu vào và hình thức tuyển sinh đối với từng nhóm ngành, nghề và trình độ đào tạo.

Chương II: QUY CHẾ TUYỂN SINH

Điều 6. Xây dựng quy chế tuyển sinh

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ quy định tại Thông tư này xây dựng, ban hành quy chế tuyển sinh của cơ sở mình. Nội dung quy chế tuyển sinh đảm bảo có các nội dung chính sau: Chương trình, ngành, nghề đào tạo; kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh; hình thức tuyển sinh; chính sách ưu tiên tuyển sinh; chuẩn đầu vào; lệ phí tuyển sinh; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại,

tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; khen thưởng, kỷ luật; các nội dung khác có liên quan (nếu cần).

Điều 7. Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp;

b) Bản sao có chứng thực các loại giấy tờ khác (bản điện tử đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến) theo yêu cầu cụ thể của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với từng trình độ đào tạo và hình thức tuyển sinh.

2. Các hình thức đăng ký dự tuyển

a) Đăng ký trực tiếp trên Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp và nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, tại Sở Giáo dục và Đào tạo của địa phương hoặc nộp trực tiếp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi đăng ký dự tuyển;

b) Đăng ký trực tuyến trên hệ thống Phần mềm tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên trang thông tin điện tử của các Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc trên trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển

a) Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này;

b) Bản sao có chứng thực các loại giấy tờ khác (bản cứng hoặc bản scan bản chính) theo yêu cầu cụ thể của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Nộp trực tiếp tại địa chỉ tiếp nhận hồ sơ của trường đăng ký dự tuyển, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi bản điện tử qua cổng thông tin tiếp nhận của trường tùy theo yêu cầu và tiêu chí xét tuyển hoặc thi tuyển của từng trường.

4. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông báo hình thức tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển và lệ phí tuyển sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh tham gia dự tuyển.

5. Tùy theo yêu cầu thực tế, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể yêu cầu thí sinh nộp bản sao có chứng thực, bản scan hoặc sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia VNeID (nếu có) để đối chiếu với bản điện tử trong hồ sơ dự tuyển.

Điều 8. Hội đồng tuyển sinh

1. Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.

2. Thành phần Hội đồng tuyển sinh gồm:

a) Chủ tịch: Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp phụ trách hoạt động tuyển sinh;

b) Phó chủ tịch: Cấp phó của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trưởng phòng đào tạo hoặc người phụ trách bộ phận tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng đào tạo, trưởng hoặc phó đơn vị phụ trách tuyển sinh;

d) Các ủy viên: Một số trưởng hoặc phó các phòng, khoa, bộ môn; giáo viên, giảng viên và cán bộ công nghệ thông tin do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;

b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

c) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh theo quy định;

d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

đ) Tổ chức triển khai thực hiện phần mềm tuyển sinh của trường, của Bộ (nếu có); báo cáo kết quả tuyển sinh theo quy định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh;

b) Thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh, gồm:

- Ban thư ký, Ban phúc tra, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi, tùy thuộc vào phương thức tuyển sinh của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Các ban khác (nếu có) do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng tuyển sinh.

Cơ cấu, số lượng, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng tuyển sinh. Các ban chuyên môn thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại quy chế tuyển sinh do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành.

c) Thực hiện công tác báo cáo theo quy định.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng tuyển sinh: Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phân công và thay mặt Chủ tịch

Hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh uỷ quyền.

Điều 9. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm:
 - a) Trưởng ban do uỷ viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;
 - b) Các uỷ viên: Một số cán bộ thuộc bộ phận tuyển sinh hoặc các phòng, khoa chuyên môn và cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, truyền thông.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh
 - a) Công bố thông tin liên quan đến hồ sơ, thời gian, địa điểm và thủ tục đăng ký xét tuyển, dự thi trên các trang thông tin điện tử và phương tiện truyền thông khác;
 - b) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký và lệ phí dự tuyển;
 - c) Nhập và rà soát thông tin đăng ký dự tuyển vào phần mềm tuyển sinh;
 - d) Cập nhật và công bố thông tin đăng ký dự tuyển của thí sinh;
 - e) Gửi giấy báo dự thi (đôi với hình thức thi tuyển);
 - f) Làm thủ tục cho thí sinh dự thi, nhận bài thi của Ban coi thi, bảo quản kiểm kê bài thi, bàn giao bài thi của thí sinh cho Ban chấm thi;
 - g) Quản lý hồ sơ, giấy tờ, biên bản liên quan đến bài thi hoặc kết quả xét tuyển;
 - h) Dự kiến phương án trúng tuyển, trình Hội đồng tuyển sinh quyết định;
 - i) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
 - k) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định;
 - l) In và gửi giấy báo kết quả thi tuyển, xét tuyển; giấy triệu tập nhập học;
 - m) Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thay đổi nội dung trong quy chế tuyển sinh (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế;
 - n) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

Điều 10. Thi tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển

Việc tuyển sinh bằng hình thức thi tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Yêu cầu về nội dung đề thi:

a) Nội dung đề thi phù hợp với trình độ chung của thí sinh và đạt được yêu cầu phân loại trình độ học lực của thí sinh và phù hợp với thời gian làm bài quy định cho mỗi môn thi;

b) Nội dung đề thi đạt được yêu cầu về những kiến thức, kỹ năng cơ bản, khả năng vận dụng của thí sinh trong phạm vi chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình mà thí sinh đã học tùy theo từng đối tượng tuyển sinh và do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết định.

c) Nội dung đề thi bảo đảm tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, rõ ràng, không sai sót;

d) Đối với các môn thi năng khiếu và các môn thi đặc thù khác: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành.

2. Tổ chức coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh của trường và quy định tại Thông tư này.

Điều 11. Phúc tra kết quả tuyển sinh

1. Thời hạn phúc tra

a) Hội đồng tuyển sinh nhận đơn đăng ký phúc tra về kết quả thi tuyển, xét tuyển của thí sinh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả trúng tuyển. Hội đồng tuyển sinh phải trả lời thí sinh chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận đơn;

b) Thí sinh có đơn khiếu nại về điểm thi, kết quả xét tuyển nộp phí theo quy định của trường. Nếu sau khi phúc khảo phát hiện sai sót trong quá trình chấm thi, xét tuyển thì Hội đồng tuyển sinh hoàn trả khoản phí này cho thí sinh.

2. Tổ chức phúc tra

a) Việc tổ chức phúc tra tiến hành dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh. Các thành viên đã tham gia quá trình xử lý kết quả ở lần trước không thuộc thành phần tham gia phúc tra; thời gian, địa điểm làm việc do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quy định;

b) Khi tiến hành phúc tra, nhóm phúc tra (gồm ít nhất 02 người) thực hiện công việc sau:

- Kiểm tra tình trạng hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh;
- Đối chiếu kết quả xét tuyển, thi tuyển đã thông báo tới thí sinh đăng ký phúc tra với hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh;
- Báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sau khi tiến hành đối chiếu kết quả xét tuyển, thi tuyển của thí sinh đăng ký phúc tra.

c) Xử lý kết quả phúc tra

- Nếu kết quả xét tuyển, thi tuyển sau khi phúc tra giống dữ liệu trong hồ sơ dự tuyển của thí sinh thì Trưởng Ban phúc tra ký xác nhận kết quả chính thức;

- Nếu kết quả xét tuyển, thi tuyển sau khi phúc tra khác với dữ liệu trong hồ sơ dự tuyển của thí sinh thì Trưởng Ban phúc tra xem xét, điều chỉnh đúng với hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh, lập biên bản và lưu hồ sơ tuyển sinh;

- Khi kết quả phúc tra xác định thí sinh từ không trúng tuyển thành trúng tuyển (và ngược lại), Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xác định nguyên nhân sai sót, nếu có biểu hiện và bằng chứng vi phạm thì xử lý theo quy chế tuyển sinh của nhà trường.

d) Kết luận phúc tra

- Kết quả phúc tra được Trưởng Ban phúc tra ký xác nhận là kết quả chính thức;

- Kết quả được điều chỉnh do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định và thông báo tới thí sinh đăng ký phúc tra.

Điều 12. Xác định thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh được xác định theo quy định, sau khi trừ số thí sinh được tuyển thẳng, cử tuyển, đặt hàng (nếu có); căn cứ thống kê kết quả tuyển sinh, quy định khung điểm ưu tiên (nếu có), Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh dự kiến phương án trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Khi thí sinh trúng tuyển đến nhập học không đủ, có thể hạ tiêu chuẩn tuyển sinh hoặc tuyển bổ sung bằng các lần tuyển sinh tiếp theo cho đến khi đủ chỉ tiêu. Việc hạ tiêu chuẩn và tuyển sinh các đợt tiếp theo do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định và được thông báo công khai trên các trang thông tin điện tử hoặc các phương tiện truyền thông khác.

3. Nếu thí sinh đến nhập học đủ chỉ tiêu đã xác định ở đợt tuyển sinh tiếp theo, trường dừng tiếp nhận thêm hồ sơ đăng ký dự tuyển dù vẫn còn các đợt tuyển sinh đã thông báo trước đó và phải thông báo công khai trên các trang thông tin điện tử hoặc các phương tiện truyền thông khác.

4. Đối với nhóm ngành, nghề không tuyển đủ số lượng thì được phép lấy thí sinh dự tuyển vào những ngành, nghề khác nhưng không trúng tuyển, đồng thời đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhóm ngành, nghề còn thiếu và tự nguyện vào học nhóm ngành, nghề đó. Nếu số người đạt tiêu chuẩn lớn hơn chỉ tiêu thì lấy theo tiêu chuẩn từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng theo một quy trình công khai.

5. Căn cứ phương án xác định tiêu chuẩn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đề xuất, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định, chịu trách nhiệm và ký duyệt điều kiện trúng tuyển. Tiêu chuẩn và danh sách thí sinh trúng tuyển phải công bố công khai trên các trang thông tin điện tử hoặc các phương tiện truyền thông khác.

Điều 13. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển do Ban thư ký trình và ký giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển tới nhập học. Giấy triệu tập cần ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh và những yêu cầu khi nhập học.

2. Giấy báo trúng tuyển và thông báo nhập học bản cứng hoặc bản điện tử có giá trị như nhau và có thể tích hợp các phương thức định danh điện tử để thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến.

3. Thí sinh trúng tuyển nộp hồ sơ gồm những giấy tờ sau:

a) Bản sao có chứng thực các loại văn bằng, chứng chỉ tương ứng với trình độ đào tạo mà thí sinh trúng tuyển theo yêu cầu trong thông báo nhập học;

b) Bản sao có chứng thực các giấy tờ minh chứng để hưởng chính sách ưu tiên theo quy định.

4. Thí sinh nhập học chậm sau 15 ngày so với yêu cầu ghi trong giấy thông báo nhập học thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp có quyền từ chối tiếp nhận. Nếu chậm trong những trường hợp bất khả kháng như: Do ốm đau, tai nạn, thiên tai có giấy xác nhận của cơ quan y tế hoặc của chính quyền địa phương thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học khoá học kế tiếp sau.

Điều 14. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm quy chế tuyển sinh

1. Hội đồng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp là nơi tiếp nhận các thông tin về vi phạm quy chế tuyển sinh.

2. Thông tin vi phạm quy chế tuyển sinh sau khi được xác minh tính xác thực là cơ sở để xử lý vi phạm.

3. Người cung cấp thông tin về vi phạm quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin đã cung cấp, không lợi dụng việc cung cấp thông tin vi phạm để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin về vi phạm quy chế tuyển sinh có trách nhiệm bảo vệ các bằng chứng, xác minh tính xác thực của thông tin; triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm quy chế tuyển sinh theo

thông tin được cung cấp; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố kết quả xử lý vi phạm.

Điều 15. Trách nhiệm của thí sinh trong kỳ tuyển sinh

1. Khai chính xác thông tin và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong phiếu đăng ký dự tuyển, nộp đủ hồ sơ và lệ phí tuyển sinh theo quy định, có mặt đúng thời gian và địa điểm được thông báo khi có yêu cầu.

2. Đối với hình thức thi tuyển năng khiếu, ngoài việc thực hiện trách nhiệm chung của thí sinh trong kỳ tuyển sinh còn phải thực hiện trách nhiệm trong kỳ tuyển sinh năng khiếu theo quy định của cơ sở tuyển sinh.

3. Có trách nhiệm phát hiện, tố giác những hiện tượng vi phạm quy chế tuyển sinh để Hội đồng tuyển sinh kịp thời xử lý.

Điều 16. Xử lý thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế

1. Thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế tuyển sinh phải lập biên bản và tùy mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của cơ sở tuyển sinh và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Tùy theo mức độ vi phạm, người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết định xử lý kỷ luật bằng các hình thức: cảnh cáo, khiển trách, đình chỉ, tước quyền vào học theo quy định tại quy chế tuyển sinh của trường.

Điều 17. Chế độ báo cáo

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện việc cập nhật kết quả tuyển sinh lên hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào ngày cuối của mỗi tháng.

2. Định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, Sở Giáo dục và Đào tạo tại địa phương nơi đặt trụ sở chính về kết quả thực hiện công tác tuyển sinh 6 tháng đầu năm và cả năm vào ngày 15 tháng 7 và ngày 15 tháng 01 hàng năm.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp báo cáo kết quả công tác tuyển sinh 6 tháng, 01 năm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên) về kết quả công tác tuyển sinh của địa phương chậm nhất vào ngày 25 của tháng tiếp theo tháng cuối kỳ báo cáo.

Điều 18. Chế độ lưu trữ

Các tài liệu liên quan đến kỳ tuyển sinh; kết quả, hồ sơ tuyển sinh các trường phải bảo quản, lưu trữ, hủy tài liệu hết giá trị theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Hướng dẫn cụ thể về công tác tuyển sinh các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp; thống nhất quản lý, chỉ đạo và hỗ trợ các địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong công tác tuyển sinh.

2. Thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh, xác định số lượng tuyển sinh và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện kiểm tra kết quả công tác tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc nếu nhận được ý kiến phản ánh vi phạm.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Hướng dẫn công tác tuyên truyền, tư vấn, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; thông báo quy trình, thủ tục tiếp nhận, đăng ký tuyển sinh vào giáo dục nghề nghiệp; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp.

2. Chỉ đạo, tổ chức phát hành Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp đến các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn; tiếp nhận Phiếu đăng ký tuyển sinh từ các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, tổng hợp gửi các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thí sinh đăng ký.

3. Theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện công tác tuyển sinh và quản lý người học theo quy định của pháp luật.

4. Lập các báo cáo thường xuyên, định kỳ về hoạt động tuyển sinh trên địa bàn gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Xây dựng quy chế tuyển sinh theo quy định tại Thông tư này;

2. Chủ động phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan phát hành Phiếu đăng ký dự tuyển đến các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và trên các trang thông tin tuyển sinh trực tuyến.

3. Đảm bảo tính trung thực, chính xác của số liệu về giảng viên, giáo viên; cơ sở vật chất, thiết bị trong xác định số lượng tuyển sinh hàng năm. Cung cấp đầy đủ thông tin khi có yêu cầu của của cơ quan quản lý nhà nước để xác minh số lượng tuyển sinh đã xác định.

4. Thực hiện báo cáo về kế hoạch, số liệu, kết quả công tác tuyển sinh theo đúng yêu cầu và thời gian quy định.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các khâu trong công tác tuyển sinh tại cơ sở mình theo quy chế.